

2. Theo đề nghị của Hội đồng Chính phủ; Ủy ban thường vụ Quốc hội đã phê chuẩn việc thành lập Ủy ban pháp chế trực thuộc Hội đồng Chính phủ.

PHỦ CHỦ TỊCH

LỆNH của Chủ tịch nước Việt-nam dân chủ cộng hòa số 147-LCT ngày 11-9-1972 công bố Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng.

LỆNH CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Căn cứ vào điều 63 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa;

Căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ngày 6 tháng 9 năm 1972,

NAY CÔNG BỐ

Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng.

Hà-nội, ngày 11 tháng 9 năm 1972

Chủ tịch

Nước Việt-nam dân chủ cộng hòa
TÔN ĐỨC THẮNG

PHÁP LỆNH quy định việc bảo vệ rừng

Rừng là một bộ phận của môi trường sống; là tài sản quý báu của nước ta, có giá trị lớn đối với nền kinh tế quốc dân và văn hóa công cộng. Việc bảo vệ rừng phải do Nhà nước và toàn dân cùng làm.

Căn cứ vào điều 12 và điều 40 của Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa;

Đề bảo vệ rừng và phát triển tài nguyên phong phú của rừng, phát huy tác dụng to lớn của rừng trong việc giữ nguồn nước và điều tiết nước, giữ đất, chống xói mòn, chống cát bay, điều hòa khí hậu, hạn chế tác hại của gió, bão; lũ, lụt, hạn hán, nhằm phục vụ công cuộc xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng và nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần làm cho nước nhà giàu mạnh;

Đề phát huy tinh thần làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân, viên chức, bộ đội và nhân dân, nâng cao ý thức bảo vệ rừng, động viên toàn dân ra sức đấu tranh chống mọi hành động làm thiệt hại đến rừng,

Pháp lệnh này quy định việc bảo vệ rừng.

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Rừng và đất rừng thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, tức là của toàn dân, không ai được xâm phạm.

Chính phủ có trách nhiệm quy hoạch toàn diện và phân phối đất đai cho nông nghiệp, lâm nghiệp và chuyên dùng, có bản đồ phân định ranh giới rừng và đất rừng đến tận xã.

Nhà nước bảo đảm quyền lợi cho những tập thể và cá nhân đã có công trồng cây trên đất rừng:

Chính phủ quy định các chính sách, chế độ nhằm khuyến khích hợp tác xã và nhân dân những nơi có rừng tích cực tham gia trồng rừng, làm nghề rừng, góp phần phát triển nền kinh tế quốc dân và nâng cao đời sống của nhân dân địa phương.

Điều 2. — Nhà nước thống nhất quản lý việc bảo vệ rừng.

Tất cả các cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp công nghiệp và nông nghiệp, công trường, đơn vị vũ trang nhân dân, hợp tác xã và toàn dân đều có nghĩa vụ bảo vệ rừng; phải triệt để tuân theo luật lệ bảo vệ rừng và chống mọi hành động vi phạm luật lệ đó.

Chính phủ tổ chức lực lượng chuyên trách và lực lượng quần chúng đề bảo vệ rừng.

Chương II

NHỮNG BIỆN PHÁP BẢO VỆ RỪNG

Điều 3. — Cấm phá rừng. Những rừng tự nhiên và rừng trồng đều phải được bảo vệ nghiêm ngặt.

Trong trường hợp cần thiết phải phá rừng để lấy đất trồng trọt, xây dựng theo chủ trương và kế hoạch chung của Nhà nước hoặc để làm bất cứ việc gì khác thuộc lợi ích công cộng thì phải được Hội đồng Chính phủ cho phép.

Điều 4. — Cấm mọi hành động chặt cây rừng trái với các điều quy định của Nhà nước.

Việc khai thác rừng phải theo đúng quy hoạch, kế hoạch, chế độ và thể lệ của Nhà nước và phải được cơ quan lâm nghiệp từ cấp tỉnh trở lên cho phép. Lâm trường, nông trường, công trường, xí nghiệp công nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, đơn vị vũ trang nhân dân chặt cây rừng đến đâu phải dọn rừng, tu bổ hoặc trồng lại rừng đến đó, dưới sự hướng dẫn và kiểm tra của cơ quan lâm nghiệp.

Tập thể hay là cá nhân được phép lấy gỗ hoặc các lâm sản khác phải nộp tiền nuôi rừng cho Nhà nước để dùng vào việc bảo vệ và phát triển rừng.

Điều 5. — Chính phủ quy định những khu rừng cấm nhằm bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ di tích lịch sử, bảo vệ sức khỏe, nghiên cứu khoa học hoặc phục vụ các lợi ích đặc biệt khác.

Ở những khu rừng này, cấm chặt cây, trừ trường hợp để dọn rừng và tu bổ rừng, cấm săn bắt chim, muông, thú rừng.

Điều 6. — Cấm phát rừng, đốt rừng để làm nương rẫy.

Chính phủ sẽ đề ra các biện pháp tích cực để sớm hoàn thành cuộc vận động định canh, định cư ở miền núi.

Ở những nơi chưa hoàn thành việc định canh, định cư, thì tạm thời Ủy ban hành chính huyện xét và cho phép làm nương rẫy trên những vùng đất đai đã được Ủy ban hành chính tỉnh quy định.

Điều 7. — Cấm đốt lửa ở trong rừng và ven rừng để dọn đường, hạ cây, lấy củi, săn bắt

thú rừng; cấm đốt đồi, bãi thuộc đất rừng để nuôi cỏ non.

Hội đồng Chính phủ quy định những trường hợp được đốt lửa ở trong rừng và ven rừng để sinh hoạt và những trường hợp do các cơ quan có thẩm quyền cho phép đốt lửa để sản xuất, xây dựng hoặc phục vụ chiến đấu.

Khi đốt lửa ở trong rừng và ven rừng, phải nghiêm ngặt thực hiện những biện pháp phòng cháy và chữa cháy rừng.

Khi xảy ra cháy rừng, Ủy ban hành chính địa phương phải tổ chức ngay việc chữa cháy. Ủy ban hành chính các cấp có quyền huy động lực lượng và phương tiện của các cơ quan, đơn vị và của nhân dân ở địa phương để chữa cháy rừng.

Điều 8. — Cấm ngặt việc thả rông gia súc ở những khu rừng non, rừng mới trồng hoặc mới dặm cây con.

Việc chăn nuôi gia súc đàn ở nơi có rừng phải tập trung vào những vùng do Ủy ban hành chính huyện quy định.

Điều 9. — Việc săn, bắt chim, muông; thú rừng với bất kỳ mục đích gì phải tuân theo luật lệ của Nhà nước về săn, bắt chim, muông; thú rừng và phải được cơ quan lâm nghiệp từ cấp tỉnh trở lên cho phép.

Điều 10. — Hội đồng Chính phủ quy định những loại thực vật, động vật quý và hiếm trong rừng cần phải đặc biệt bảo vệ và chế độ bảo vệ các loại đó.

Điều 11. — Cơ quan lâm nghiệp có trách nhiệm tổ chức việc phòng và trừ sâu, bệnh phá hại rừng và phải đặt ra bộ phận chuyên trách việc điều tra, nghiên cứu; phòng và trừ sâu, bệnh; khi phát hiện có dịch sâu thì phải kịp thời tổ chức việc diệt trừ dịch sâu.

Các lâm trường, các hợp tác xã và cơ quan, đoàn thể được phép kinh doanh rừng có nhiệm vụ thực hiện việc phòng và trừ sâu, bệnh dưới sự chỉ đạo của cơ quan lâm nghiệp địa phương.

Điều 12. — Nhân dân những xã ở nơi có rừng được kiếm củi khô trong rừng để dùng và được thu nhặt lâm sản phụ theo quy định của Tổng cục Lâm nghiệp.

Nhân dân những xã ở nơi có rừng cần lấy gỗ để sửa chữa nhà, làm nhà hoặc để dùng vào những việc cần thiết khác trong gia đình thì phải được cơ quan lâm nghiệp từ cấp huyện trở lên xét và cho phép, theo quy định của Hội đồng Chính phủ.

Điều 13. — Các hợp tác xã được Nhà nước giao rừng để kinh doanh và đất để trồng rừng phải nghiêm chỉnh chấp hành các luật lệ về bảo vệ rừng, kinh doanh nghề rừng, trồng rừng, và được hưởng quyền lợi theo chính sách khuyến khích hợp tác xã kinh doanh nghề rừng và trồng rừng.

Chương III

TỒ CHỨC BẢO VỆ RỪNG

Điều 14. — Dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Chính phủ, Tổng cục Lâm nghiệp có trách nhiệm thống nhất quản lý bảo vệ rừng.

Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Tổng cục Lâm nghiệp quyết định những biện pháp bảo vệ, nuôi, gây rừng và khai thác rừng, chỉ đạo việc tổ chức các lực lượng bảo vệ rừng, xây dựng cơ sở kỹ thuật và trang bị kỹ thuật cho việc bảo vệ rừng, chỉ đạo và kiểm tra việc bảo vệ rừng.

Điều 15. — Dưới sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Tổng cục Lâm nghiệp, Ủy ban hành chính các địa phương có rừng chịu trách nhiệm quản lý việc bảo vệ, nuôi, gây rừng và khai thác rừng theo đúng quy hoạch, kế hoạch, chế độ và thể lệ của Nhà nước; lãnh đạo các cơ quan lâm nghiệp địa phương trong việc bảo vệ rừng; tổ chức và quản lý các lực lượng bảo vệ rừng theo quy định của Hội đồng Chính phủ.

Điều 16. — Nay thành lập lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng gọi là Kiểm lâm nhân dân. Lực lượng này được tổ chức trong ngành lâm nghiệp từ cấp huyện trở lên thành hệ thống biệt lập đối với các đơn vị kinh doanh lâm nghiệp, để bảo đảm thực hiện công tác bảo vệ rừng đến từng khu rừng.

Kiểm lâm nhân dân có nhiệm vụ tuần tra rừng, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, thể lệ bảo vệ rừng trong các đơn vị kinh doanh thuộc ngành lâm nghiệp, trong các cơ quan, đoàn thể, đơn vị, hợp tác xã và trong nhân dân; ngăn ngừa mọi hành động vi phạm luật lệ bảo vệ rừng; phát hiện những vụ cháy rừng và tổ chức việc chữa cháy rừng; tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ rừng. Căn cứ vào những điều quy định của pháp luật, Kiểm lâm nhân dân có quyền khám xét, bắt giữ tang vật trong các vụ vi phạm, lập biên bản, xử lý hoặc chuyển tới cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Kiểm lâm nhân dân được trang bị những phương tiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình:

Cán bộ và nhân viên Kiểm lâm nhân dân được mặc đồng phục, mang vũ khí, phù hiệu, cấp hiệu, và được hưởng các chế độ do Hội đồng Chính phủ quy định.

Điều 17. — Lực lượng quần chúng bảo vệ rừng được tổ chức trong các xã, thị trấn, thị xã, thành phố có rừng, trong các lâm trường, nông trường, công trường, xí nghiệp công nghiệp, cơ quan ở trong rừng hoặc ven rừng, nhằm thực hiện công tác bảo vệ rừng ở cơ sở.

Dưới sự hướng dẫn của Kiểm lâm nhân dân, lực lượng quần chúng bảo vệ rừng ở cơ sở có nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ rừng, bảo đảm thực hiện quy ước bảo vệ rừng ở địa phương và đơn vị mình, thực hiện việc phòng cháy, chữa cháy và ngăn ngừa việc chặt phá rừng trái với luật lệ của Nhà nước.

Lực lượng bảo vệ rừng ở cơ sở được cấp những phương tiện và dụng cụ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 18. — Các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân vũ trang, cảnh sát nhân dân ở những nơi có rừng có nhiệm vụ bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ bảo vệ rừng trong đơn vị mình và tham gia công tác bảo vệ rừng ở địa phương.

Chương IV

VIỆC THƯỜNG, PHẠT

Điều 19. — Tập thể hoặc cá nhân nào có thành tích trong việc nuôi rừng và gây rừng,

ngăn chặn hoặc tổ giác các hành động chặt, phá, khai thác rừng trái phép, trong việc phòng cháy, chữa cháy rừng hoặc có những thành tích khác về bảo vệ rừng thì được xét khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 20. — Những người vì tham gia bảo vệ rừng mà mang thương tật hoặc tài sản riêng bị thiệt hại thì được bảo đảm quyền lợi theo chế độ do Nhà nước quy định. Trong trường hợp bị hy sinh thì gia đình được lĩnh tiền tử tuất và được giúp đỡ.

Điều 21. — Kê nào vi phạm một trong những điều ghi ở Chương II của Pháp lệnh này hoặc tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép lâm sản mà không gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng thì bị cảnh cáo hoặc bị phạt tiền từ 1 đồng đến 200 đồng. Cơ quan Kiểm lâm nhân dân huyện có quyền cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100 đồng; trong trường hợp số tiền phạt quá 100 đồng thì cơ quan Kiểm lâm nhân dân tỉnh xét và xử lý.

Nếu đương sự khiếu nại, thì Ủy ban hành chính cùng cấp xét và quyết định.

Điều 22. — Kê nào vi phạm một trong những điều ghi ở Chương II của Pháp lệnh này hoặc tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép lâm sản, gây thiệt hại lớn đến tài nguyên rừng hoặc đã bị xử phạt mà còn vi phạm thì sẽ bị truy tố trước Tòa án nhân dân và có thể bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm và phạt tiền từ 200 đồng đến 2.000 đồng, hoặc một trong hai hình phạt đó.

Cố ý hủy hoại tài nguyên rừng hoặc cố ý làm trái nguyên tắc, chính sách, chế độ, thể lệ về bảo vệ rừng, gây thiệt hại đến tài nguyên rừng; thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc vô ý làm cháy rừng hay là có những hành động khác gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên rừng thì bị xử phạt theo Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, ngày 21 tháng 10 năm 1970.

Cố ý phá hoại tài nguyên rừng vì mục đích phân cách mạng thì bị xử phạt theo Pháp lệnh trừng trị các tội phân cách mạng, ngày 30 tháng 10 năm 1967.

Điều 23. — Ngoài việc xử phạt nói ở điều 21 và điều 22, cơ quan xử lý còn có thể thu hồi giấy phép và tịch thu tang vật.

Điều 24. — Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn ra lệnh cho người thuộc quyền mình chặt, phá rừng, hoặc làm những việc khác gây thiệt hại đến tài nguyên rừng thì cũng bị xử lý theo các điều 21, 22, 23 của Pháp lệnh này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 25. — Hội đồng Chính phủ quy định những điều cụ thể để thi hành Pháp lệnh này.

Điều 26. — Những điều quy định trước đây trái với Pháp lệnh này thì nay bị bãi bỏ.

Pháp lệnh này đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua tại Hà-nội, ngày 6 tháng năm 1972.

Ủy ban thường vụ Quốc hội
nước Việt-nam dân chủ cộng hòa

Chủ tịch
TRƯỜNG-CHINH

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 245-TTg ngày 5-9-1972
về việc thống nhất hệ tọa độ và độ cao Nhà nước.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Xét yêu cầu tăng cường quản lý thống nhất công tác đo đạc và bản đồ trong phạm vi cả nước;

Theo đề nghị của đồng chí Cục trưởng Cục Đo đạc và bản đồ thuộc Phủ Thủ tướng;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 12 tháng 1 năm 1972.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay lấy hệ tọa độ và độ cao do Cục Đo đạc và bản đồ xây dựng làm hệ tọa độ

0965410
www.ThuvienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuvienPhapLuat.com